

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01 /TTC-BH-CAQ/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA

Địa chỉ: xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 02763757250

Fax: 02763839834

E-mail: ttcs@ttcsugar.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3900244389

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Chuối Già Nam Mỹ Smiley

2. Thành phần: 100% chuối tươi

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm và hướng dẫn bảo quản:

- Sử dụng tốt nhất trong 08 ngày kể từ ngày sản xuất nếu bảo quản ở 14-16°C và trong 04 ngày kể từ ngày sản xuất nếu chỉ bảo quản nơi thoáng mát.
- Ngày sản xuất được in trên bao bì sản phẩm.
- Sản phẩm được bảo quản ở nơi sạch sẽ, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng gói với các quy cách:

- Smiley – Chuối nguyên nải, Smiley – Chuối nải lớn, Smiley – Chuối nhánh lớn: được đóng vào thùng carton 02 mảnh, được lót bọc PE trong suốt không in bên trong với quy cách 13kg/thùng.
- Smiley – Nhánh 3, Smiley – Nhánh 3 lớn, Smiley – Chuối trái, Smiley – Chuối trái lớn: được bọc màng nhựa PE trong suốt, và sẽ được đóng vào 1 thùng carton 02 mảnh được lót bọc PE trong suốt không in bên trong với quy cách 13kg/thùng.

Sản phẩm được phân loại theo bảng sau:

Mã		Số lượng trái/đơn vị
Smiley - Chuối nguyên nải	CNN	≥12 trái/nải
Smiley - Chuối nải lớn	CNL	≥12 trái/nải
Smiley – Chuối nhánh lớn	NCL	5-6 trái/nhánh
Smiley – Nhánh 3	N3N	3 trái/nhánh
Smiley – Nhánh 3 lớn	N3L	3 trái/nhánh
Smiley – Chuối trái	CLN	Trái đơn
Smiley – Chuối trái lớn	CLL	Trái đơn



5. Tên và địa chỉ đơn vị sở hữu, sản xuất và đóng gói sản phẩm:

5.1. Xuất xứ: Việt Nam

5.2. Đơn vị sở hữu: Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa

Địa chỉ: xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

5.3. Sản phẩm được sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng Tiêu
Dùng Biên Hòa – Nông trường Biên Hòa - Thành Long

Địa chỉ: tổ 1, ấp Thành Đông, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây
Ninh

5.4. Sản phẩm được đóng gói bởi:

Cơ sở 1: Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa – Nông
trường Biên Hòa - Thành Long

Địa chỉ: tổ 1, ấp Thành Đông, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây
Ninh

Cơ sở 2: Công ty TNHH LEFARM

Địa chỉ: 2B đường số 8, Cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, TP.HCM

III. Mẫu nhãn sản phẩm:

Phù hợp Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ
quy định về ghi nhãn hàng hoá.

Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực
phẩm theo:

1. **Kim loại nặng:** Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa	Phương pháp kiểm tra
Hàm lượng Chì	mg/kg	0.2	AOAC 2015.01

2. **Vi sinh vật:** Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối
với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa	Phương pháp kiểm tra
<i>E. coli</i>	CFU/g	100	TCVN 7924-2:2008
<i>Salmonella</i> . /25g		Không phát hiện	TCVN 10780-1:2017

3. **Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:** Phù hợp Thông tư 50/2016/TT-BYT Quy
định mức tối đa tồn dư thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

4. **Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:**

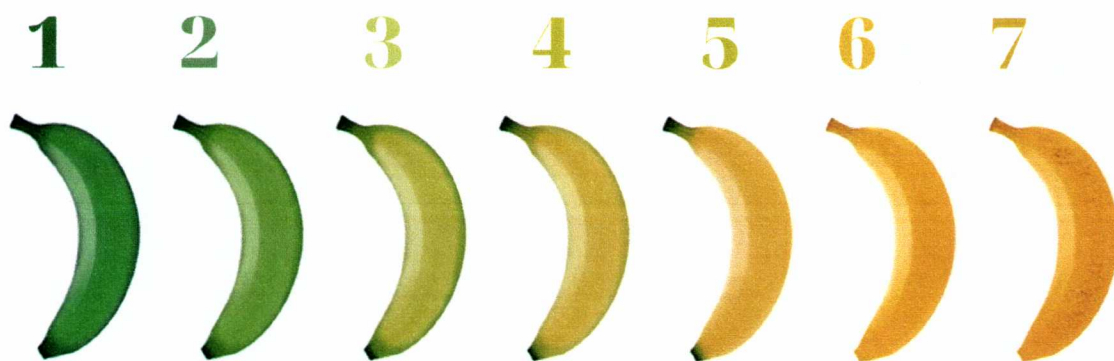
4.1. Chỉ tiêu ngoại quan:

Tất cả các sản phẩm Chuối Già Nam Mỹ Smiley đảm bảo các chỉ tiêu ngoại quan như sau:

Chỉ tiêu	Tiêu chuẩn kiểm tra	Phương pháp kiểm tra
Trạng thái	Nguyên vẹn, lành lặn, không bị dập nát hoặc hư hỏng đến mức không phù hợp cho sử dụng	Quan sát
Độ chín	Tùy theo điều kiện giao hàng, chuối thường đạt độ chín 3-4 (chỉ tiết bên dưới)	Quan sát
Màu sắc	Chuối có màu đúng với độ chín	Quan sát
Hình dạng	Không bị dị hình hay bị cong bất thường, không nứt, gãy, không có trái đôi	Quan sát
Mùi, vị	Có mùi đặc trưng của chuối và không có mùi lạ, vị lạ	Cảm nhận
Vỏ	Vỏ chuối căng, các góc cạnh trên trái chuối không còn nhô lên cao như chuối xanh, không bị dập tím (PLD) và chỉ chấp nhận những lỗi thuộc khoản lỗi đã quy định ở mục 5	Quan sát
Cuống	Cuống còn nguyên vẹn, không bị gãy cuống, không bị bẻ cong, teo khô, thối hoặc hư hại do nấm	Quan sát
Độ ẩm	Không bị ẩm bất thường ngoài vỏ, ngoại trừ hơi nước ngưng tụ do vừa đưa ra khỏi môi trường bảo quản lạnh	Quan sát
Chùm/nải chuối	Phải có một phần/đầy đủ phần đuôi trái chuối, có màu bình thường, cứng và không bị nhiễm nấm, mặt cắt sạch	Quan sát
Thịt quả	Thịt quả dẻo mềm, vị ngọt thơm, màu đặc trưng của chuối, không bị nâu đen, bầm/dập	Quan sát
Khác	Sạch, không có tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường Đã loại bỏ hết nhụy hoa Không bị hư hỏng do nhiệt độ thấp/nhiệt độ cao Không chứa côn trùng, dịch hại ảnh hưởng đến vỏ chuối Không có trái thối khô, trái bị cháy thuốc, cháy nắng đen	Quan sát

4.2. Chỉ tiêu về độ chín:

Các cấp độ chín của Chuối như sau:



- Độ chín 1: chuối xanh, chuối mới thu hoạch.
- Độ chín 2: chuối xanh sáng, có sự thay đổi về màu sắc.
- Độ chín 3: 50% xanh, 50% vàng, chuối có vị chát.
- Độ chín 4: chuối có màu vàng nhiều hơn màu xanh.
- Độ chín 5: chuối có màu vàng nhưng hai đầu còn màu xanh.
- Độ chín 6: chuối vàng đều.
- Độ chín 7: chuối vàng sậm, xuất hiện đốm nâu.

Theo đó, các sản phẩm Chuối Già Nam Mỹ Smiley khi giao cho nhà phân phối phải đạt độ chín 3-4.

5. Hướng dẫn sử dụng:

Sử dụng trực tiếp hoặc dùng trong chế biến thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP.HCM, ngày 03 tháng 01 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Thanh Ngủ



Nhãn sản phẩm Chuối Già Nam Mỹ Smiley

1. Mã CNN

CHUỐI GIÀ NAM MỸ SMILEY
Khối lượng tịnh: Mã: CNN NSX: ddmmyy
Thành phần: 100% chuối tươi Xuất xứ: Việt Nam
Hướng dẫn sử dụng: sử dụng trực tiếp hoặc dùng trong chế biến thực phẩm.
HSD và hướng dẫn bảo quản: sử dụng tốt nhất trong 08 ngày kể từ NSX nếu bảo quản ở 14 -16°C và trong 04 ngày kể từ NSX nếu chỉ bảo quản nơi thoáng mát.
Cảnh báo: không sử dụng khi có dấu hiệu hư hỏng.
Sản phẩm của: Công ty CP Thành Thành Công – Biên Hòa.
Địa chỉ: X. Tân Hưng, H. Tân Châu, T. Tây Ninh.
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty CP Hàng Tiêu Dừng Biên Hòa – Nông trường Biên Hòa – Thành Long.
Địa chỉ: Tổ 1, Ấp Thành Đông, X. Thành Long, H. Châu Thành, T. Tây Ninh.
Đóng gói bởi: Công ty TNHH LeFarm
Địa chỉ: 2B đường số 8, Cư xá Bình Thới, P. 8, Q. 11, TP. HCM.



CHUỐI GIÀ NAM MỸ SMILEY
Khối lượng tịnh: Mã: CNN NSX: ddmmyy
Thành phần: 100% chuối tươi Xuất xứ: Việt Nam
Hướng dẫn sử dụng: sử dụng trực tiếp hoặc dùng trong chế biến thực phẩm.
HSD và hướng dẫn bảo quản: sử dụng tốt nhất trong 08 ngày kể từ NSX nếu bảo quản ở 14 -16°C và trong 04 ngày kể từ NSX nếu chỉ bảo quản nơi thoáng mát.
Cảnh báo: không sử dụng khi có dấu hiệu hư hỏng.
Sản phẩm của: Công ty CP Thành Thành Công – Biên Hòa.
Địa chỉ: X. Tân Hưng, H. Tân Châu, T. Tây Ninh.
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty CP Hàng Tiêu Dừng Biên Hòa – Nông trường Biên Hòa – Thành Long.
Địa chỉ: Tổ 1, Ấp Thành Đông, X. Thành Long, H. Châu Thành, T. Tây Ninh.



2. Mã CNL

CHUỐI GIÀ NAM MỸ SMILEY
Khối lượng tịnh: Mã: NCL NSX: ddmmyy
Thành phần: 100% chuối tươi Xuất xứ: Việt Nam
Hướng dẫn sử dụng: sử dụng trực tiếp hoặc dùng trong chế biến thực phẩm.
HSD và hướng dẫn bảo quản: sử dụng tốt nhất trong 08 ngày kể từ NSX nếu bảo quản ở 14 -16°C và trong 04 ngày kể từ NSX nếu chỉ bảo quản nơi thoáng mát.
Cảnh báo: không sử dụng khi có dấu hiệu hư hỏng.
Sản phẩm của: Công ty CP Thành Thành Công – Biên Hòa.
Địa chỉ: X. Tân Hưng, H. Tân Châu, T. Tây Ninh.
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty CP Hàng Tiêu Dừng Biên Hòa – Nông trường Biên Hòa – Thành Long.
Địa chỉ: Tổ 1, Ấp Thành Đông, X. Thành Long, H. Châu Thành, T. Tây Ninh.
Đóng gói bởi: Công ty TNHH LeFarm
Địa chỉ: 2B đường số 8, Cư xá Bình Thới, P. 8, Q. 11, TP. HCM.



CHUỐI GIÀ NAM MỸ SMILEY
Khối lượng tịnh: Mã: CNL NSX: ddmmyy
Thành phần: 100% chuối tươi Xuất xứ: Việt Nam
Hướng dẫn sử dụng: sử dụng trực tiếp hoặc dùng trong chế biến thực phẩm.
HSD và hướng dẫn bảo quản: sử dụng tốt nhất trong 08 ngày kể từ NSX nếu bảo quản ở 14 -16°C và trong 04 ngày kể từ NSX nếu chỉ bảo quản nơi thoáng mát.
Cảnh báo: không sử dụng khi có dấu hiệu hư hỏng.
Sản phẩm của: Công ty CP Thành Thành Công – Biên Hòa.
Địa chỉ: X. Tân Hưng, H. Tân Châu, T. Tây Ninh.
Sản xuất và đóng gói bởi: Chi nhánh Công ty CP Hàng Tiêu Dừng Biên Hòa – Nông trường Biên Hòa – Thành Long.
Địa chỉ: Tổ 1, Ấp Thành Đông, X. Thành Long, H. Châu Thành, T. Tây Ninh.



3. Mã NCL

CHUỐI GIÀ NAM MỸ SMILEY
Khối lượng tịnh: Mã: NCL NSX: ddmmyy
Thành phần: 100% chuối tươi Xuất xứ: Việt Nam
Hướng dẫn sử dụng: sử dụng trực tiếp hoặc dùng trong chế biến thực phẩm.
HSD và hướng dẫn bảo quản: sử dụng tốt nhất trong 08 ngày kể từ NSX nếu bảo quản ở 14 -16°C và trong 04 ngày kể từ NSX nếu chỉ bảo quản nơi thoáng mát.
Cảnh báo: không sử dụng khi có dấu hiệu hư hỏng.
Sản phẩm của: Công ty CP Thành Thành Công – Biên Hòa.
Địa chỉ: X. Tân Hưng, H. Tân Châu, T. Tây Ninh.
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty CP Hàng Tiêu Dừng Biên Hòa – Nông trường Biên Hòa – Thành Long.
Địa chỉ: Tổ 1, Ấp Thành Đông, X. Thành Long, H. Châu Thành, T. Tây Ninh.
Đóng gói bởi: Công ty TNHH LeFarm
Địa chỉ: 2B đường số 8, Cư xá Bình Thới, P. 8, Q. 11, TP. HCM.



CHUỐI GIÀ NAM MỸ SMILEY
Khối lượng tịnh: Mã: NCL NSX: ddmmyy
Thành phần: 100% chuối tươi Xuất xứ: Việt Nam
Hướng dẫn sử dụng: sử dụng trực tiếp hoặc dùng trong chế biến thực phẩm.
HSD và hướng dẫn bảo quản: sử dụng tốt nhất trong 08 ngày kể từ NSX nếu bảo quản ở 14 -16°C và trong 04 ngày kể từ NSX nếu chỉ bảo quản nơi thoáng mát.
Cảnh báo: không sử dụng khi có dấu hiệu hư hỏng.
Sản phẩm của: Công ty CP Thành Thành Công – Biên Hòa.
Địa chỉ: X. Tân Hưng, H. Tân Châu, T. Tây Ninh.
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty CP Hàng Tiêu Dừng Biên Hòa – Nông trường Biên Hòa – Thành Long.
Địa chỉ: Tổ 1, Ấp Thành Đông, X. Thành Long, H. Châu Thành, T. Tây Ninh.



[Handwritten signatures and initials]

4. Mã N3N

CHUỐI GIÀ NAM MỸ SMILEY

Khối lượng tịnh: Mã: N3N NSX: ddmmyy
Thành phần: 100% chuối tươi Xuất xứ: Việt Nam
Hướng dẫn sử dụng: sử dụng trực tiếp hoặc dùng trong chế biến thực phẩm.
HSD và hướng dẫn bảo quản: sử dụng tốt nhất trong 08 ngày kể từ NSX nếu bảo quản ở 14 -16°C và trong 04 ngày kể từ NSX nếu chỉ bảo quản nơi thoáng mát.
Cảnh báo: không sử dụng khi có dấu hiệu hư hỏng.
Sản phẩm của: Công ty CP Thành Thành Công – Biên Hòa.
Địa chỉ: X. Tân Hưng, H. Tân Châu, T. Tây Ninh.
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty CP Hàng Tiêu Dừng Biên Hòa – Nông trường Biên Hòa – Thành Long.
Địa chỉ: Tổ 1, Ấp Thành Đông, X. Thành Long, H. Châu Thành, T. Tây Ninh.
Đóng gói bởi: Công ty TNHH LeFarm
Địa chỉ: 2B đường số 8, Cư xá Bình Thới, P. 8, Q. 11, TP. HCM.



CHUỐI GIÀ NAM MỸ SMILEY

Khối lượng tịnh: Mã: N3N NSX: ddmmyy
Thành phần: 100% chuối tươi Xuất xứ: Việt Nam
Hướng dẫn sử dụng: sử dụng trực tiếp hoặc dùng trong chế biến thực phẩm.
HSD và hướng dẫn bảo quản: sử dụng tốt nhất trong 08 ngày kể từ NSX nếu bảo quản ở 14 -16°C và trong 04 ngày kể từ NSX nếu chỉ bảo quản nơi thoáng mát.
Cảnh báo: không sử dụng khi có dấu hiệu hư hỏng.
Sản phẩm của: Công ty CP Thành Thành Công – Biên Hòa.
Địa chỉ: X. Tân Hưng, H. Tân Châu, T. Tây Ninh.
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty CP Hàng Tiêu Dừng Biên Hòa – Nông trường Biên Hòa – Thành Long.
Địa chỉ: Tổ 1, Ấp Thành Đông, X. Thành Long, H. Châu Thành, T. Tây Ninh.



5. Mã N3L

CHUỐI GIÀ NAM MỸ SMILEY

Khối lượng tịnh: Mã: N3L NSX: ddmmyy
Thành phần: 100% chuối tươi Xuất xứ: Việt Nam
Hướng dẫn sử dụng: sử dụng trực tiếp hoặc dùng trong chế biến thực phẩm.
HSD và hướng dẫn bảo quản: sử dụng tốt nhất trong 08 ngày kể từ NSX nếu bảo quản ở 14 -16°C và trong 04 ngày kể từ NSX nếu chỉ bảo quản nơi thoáng mát.
Cảnh báo: không sử dụng khi có dấu hiệu hư hỏng.
Sản phẩm của: Công ty CP Thành Thành Công – Biên Hòa.
Địa chỉ: X. Tân Hưng, H. Tân Châu, T. Tây Ninh.
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty CP Hàng Tiêu Dừng Biên Hòa – Nông trường Biên Hòa – Thành Long.
Địa chỉ: Tổ 1, Ấp Thành Đông, X. Thành Long, H. Châu Thành, T. Tây Ninh.
Đóng gói bởi: Công ty TNHH LeFarm
Địa chỉ: 2B đường số 8, Cư xá Bình Thới, P. 8, Q. 11, TP. HCM.



CHUỐI GIÀ NAM MỸ SMILEY

Khối lượng tịnh: Mã: N3L NSX: ddmmyy
Thành phần: 100% chuối tươi Xuất xứ: Việt Nam
Hướng dẫn sử dụng: sử dụng trực tiếp hoặc dùng trong chế biến thực phẩm.
HSD và hướng dẫn bảo quản: sử dụng tốt nhất trong 08 ngày kể từ NSX nếu bảo quản ở 14 -16°C và trong 04 ngày kể từ NSX nếu chỉ bảo quản nơi thoáng mát.
Cảnh báo: không sử dụng khi có dấu hiệu hư hỏng.
Sản phẩm của: Công ty CP Thành Thành Công – Biên Hòa.
Địa chỉ: X. Tân Hưng, H. Tân Châu, T. Tây Ninh.
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty CP Hàng Tiêu Dừng Biên Hòa – Nông trường Biên Hòa – Thành Long.
Địa chỉ: Tổ 1, Ấp Thành Đông, X. Thành Long, H. Châu Thành, T. Tây Ninh.



6. Mã CLN

CHUỐI GIÀ NAM MỸ SMILEY

Khối lượng tịnh: Mã: CLN NSX: ddmmyy
Thành phần: 100% chuối tươi Xuất xứ: Việt Nam
Hướng dẫn sử dụng: sử dụng trực tiếp hoặc dùng trong chế biến thực phẩm.
HSD và hướng dẫn bảo quản: sử dụng tốt nhất trong 08 ngày kể từ NSX nếu bảo quản ở 14 -16°C và trong 04 ngày kể từ NSX nếu chỉ bảo quản nơi thoáng mát.
Cảnh báo: không sử dụng khi có dấu hiệu hư hỏng.
Sản phẩm của: Công ty CP Thành Thành Công – Biên Hòa.
Địa chỉ: X. Tân Hưng, H. Tân Châu, T. Tây Ninh.
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty CP Hàng Tiêu Dừng Biên Hòa – Nông trường Biên Hòa – Thành Long.
Địa chỉ: Tổ 1, Ấp Thành Đông, X. Thành Long, H. Châu Thành, T. Tây Ninh.
Đóng gói bởi: Công ty TNHH LeFarm
Địa chỉ: 2B đường số 8, Cư xá Bình Thới, P. 8, Q. 11, TP. HCM.



CHUỐI GIÀ NAM MỸ SMILEY

Khối lượng tịnh: Mã: CLN NSX: ddmmyy
Thành phần: 100% chuối tươi Xuất xứ: Việt Nam
Hướng dẫn sử dụng: sử dụng trực tiếp hoặc dùng trong chế biến thực phẩm.
HSD và hướng dẫn bảo quản: sử dụng tốt nhất trong 08 ngày kể từ NSX nếu bảo quản ở 14 -16°C và trong 04 ngày kể từ NSX nếu chỉ bảo quản nơi thoáng mát.
Cảnh báo: không sử dụng khi có dấu hiệu hư hỏng.
Sản phẩm của: Công ty CP Thành Thành Công – Biên Hòa.
Địa chỉ: X. Tân Hưng, H. Tân Châu, T. Tây Ninh.
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty CP Hàng Tiêu Dừng Biên Hòa – Nông trường Biên Hòa – Thành Long.
Địa chỉ: Tổ 1, Ấp Thành Đông, X. Thành Long, H. Châu Thành, T. Tây Ninh.



4438
 IG TY
 PHẦN
 HÀNH C
 N HÒA
 U-T.T

[Handwritten signatures and marks]

7. Mã CLL

CHUỐI GIÀ NAM MỸ SMILEY
Khối lượng tịnh: Mã: CLL NSX: ddmmyy
Thành phần: 100% chuối tươi Xuất xứ: Việt Nam
Hướng dẫn sử dụng: sử dụng trực tiếp hoặc dùng trong chế biến thực phẩm.
HSD và hướng dẫn bảo quản: sử dụng tốt nhất trong 08 ngày kể từ NSX nếu bảo quản ở 14 -16°C và trong 04 ngày kể từ NSX nếu chỉ bảo quản nơi thoáng mát.
Cảnh báo: không sử dụng khi có dấu hiệu hư hỏng.
Sản phẩm của: Công ty CP Thành Thành Công – Biên Hòa.
Địa chỉ: X. Tân Hưng, H. Tân Châu, T. Tây Ninh.
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty CP Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa – Nông trường Biên Hòa – Thành Long.
Địa chỉ: Tổ 1, Ấp Thành Đông, X. Thành Long, H. Châu Thành, T. Tây Ninh.
Đóng gói bởi: Công ty TNHH LeFarm
Địa chỉ: 2B đường số 8, Cư xá Bình Thới, P. 8, Q. 11, TP. HCM.



CHUỐI GIÀ NAM MỸ SMILEY
Khối lượng tịnh: Mã: CLL NSX: ddmmyy
Thành phần: 100% chuối tươi Xuất xứ: Việt Nam
Hướng dẫn sử dụng: sử dụng trực tiếp hoặc dùng trong chế biến thực phẩm.
HSD và hướng dẫn bảo quản: sử dụng tốt nhất trong 08 ngày kể từ NSX nếu bảo quản ở 14 -16°C và trong 04 ngày kể từ NSX nếu chỉ bảo quản nơi thoáng mát.
Cảnh báo: không sử dụng khi có dấu hiệu hư hỏng.
Sản phẩm của: Công ty CP Thành Thành Công – Biên Hòa.
Địa chỉ: X. Tân Hưng, H. Tân Châu, T. Tây Ninh.
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty CP Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa – Nông trường Biên Hòa – Thành Long.
Địa chỉ: Tổ 1, Ấp Thành Đông, X. Thành Long, H. Châu Thành, T. Tây Ninh.



Phong Marketing
Nguyễn Kim Ngân

Vũ Hoàng Nhựt
Nguyễn Văn Kiên

Ngày 02 tháng 01 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Ngự





Phòng Marketing

[Signature]
Nguyễn Kim Ngân

[Signature]
Vũ Hoàng Nge

[Signature]
Nguyễn Văn Kiên
[Signature]

Ngày 02 tháng 01 năm 2022



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2021-00105105	
Mã số kết quả :	AR-21-VD-111036-02-VI / EUVNHC-00155319	

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA
Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu
Tỉnh Tây Ninh
Việt Nam

Tên mẫu :	Chuối già Nam Mỹ Smiley
Tình trạng mẫu :	Mẫu đựng trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu :	19/11/2021
Thời gian thử nghiệm :	20/11/2021 - 25/11/2021
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	26/11/2021
Mã số PO của khách hàng :	J8SF211223312

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD0LW VD (a) Chlorothalonil	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
2	VD3P4 VD (a) Azoxystrobin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
3	VD3NN VD (a) Buprofezin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
4	VD3J0 VD (a) Difenoconazole	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
5	VD3R0 VD (a) Dimethoate/Omethoate (Tổng)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
6	VD2KA VD (a) Glufosinat-amoni	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5204	Không phát hiện (LOD=0.003)
7	VD31Q VD Mancozeb (tính từ CS2)	mg/ kg	EHC-TP1-133	Không phát hiện (LOD=0.003)
8	VE01R VE Oxytetracycline	µg/ kg	EHC-TP10-0081	Không phát hiện (LOD=5)
9	VD3RQ VD (a) Spinetoram L	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
10	VD3QH VD (a) Spirotetramat	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên



Nguyễn Thị Phượng Vĩ
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phượng Vĩ 23/12/2021

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.(a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.
"VE": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm CN CT TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng tại Cần Thơ.
(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-21-VD-111036-01/743-2021-00105105, xuất ngày 16/12/2021; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)

ANALYTICAL REPORT

Sample code Nr.	743-2021-00105105	
Analytical Report Nr.	AR-21-VD-111036-02-EN / EUVNHC-00155319	

Thanh Thanh Cong - Bien Hoa Joint Stock Company
Tan Hung commune, Tan Chau district
Tay Ninh province
VIETNAM

Sample described as:	Chuối già Nam Mỹ Smiley
Conditioning:	The sample is kept in plastic bag
Sample reception date:	19/11/2021
Analysis Time:	20/11/2021 - 25/11/2021
Client due date:	26/11/2021
Your purchase order reference:	J8SF211223312

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
1	VD0LW VD (a) Chlorothalonil	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.003)
2	VD3P4 VD (a) Azoxystrobin	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.003)
3	VD3NN VD (a) Buprofezin	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.003)
4	VD3J0 VD (a) Difenoconazole	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.003)
5	VD3R0 VD (a) Dimethoate/Omethoate (sum)	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.003)
6	VD2KA VD (a) Glufosinate-ammonium	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5204	Not detected (LOD=0.003)
7	VD31Q VD Mancozeb (calc. from CS2)	mg/ kg	EHC-TP1-133	Not detected (LOD=0.003)
8	VE01R VE Oxytetracycline	µg/ kg	EHC-TP10-0081	Not detected (LOD=5)
9	VD3RQ VD (a) Spinetoram L	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.003)
10	VD3QH VD (a) Spirotetramat	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.003)

LOD: Limit Of Detection

SIGNATURE



Nguyễn Thị Phương Vĩ
Analytical Service Manager



Lý Hoàng Hải
General Director

Report electronically validated by Nguyễn Thị Phương Vĩ 23/12/2021

ANALYTICAL REPORT

EXPLANATORY NOTE

This document can only be reproduced in full; it only concerns the submitted sample.

Results have been obtained and reported in accordance with our general sales conditions available on request.

The tests are identified by a five-digit code, their description is available on request.

All test methods begin with characters EVN; A79; N79; EHC are internal methods developed by Eurofins Sac Ky Hai Dang.

"VD": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ho Chi Minh). The symbol (a) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

"VE": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Can Tho).

(*this report cancels and replaces the previous one, numbered AR-21-VD-111036-01/743-2021-00105105 dated 16/12/2021 which must be destroyed)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2021-00105106	
Mã số kết quả :	AR-21-VD-111253-02-VI / EUVNHC-00155080	

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA
Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu
Tỉnh Tây Ninh
Việt Nam

Tên mẫu :	Chuối già Nam Mỹ Smiley
Tình trạng mẫu :	Mẫu đựng trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu :	19/11/2021
Thời gian thử nghiệm :	19/11/2021 - 26/11/2021
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	26/11/2021
Mã số PO của khách hàng :	J8SF211221283

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD368 VD (a)(d) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Không phát hiện
3	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
4	VDG3L VD (a) Glyphosate	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5204	Không phát hiện (LOD=0.003)
5	VD2U9 VD Chlorpyrifos	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
6	VD6X1 VD (a) Dithiocarbamat (quy về CS ₂)	mg/ kg	EN 12396-2:1998 (Ref TCVN 8169-2:2009)	Không phát hiện (LOD=0.05)
7	VD2UM VD (a) Bifenthrin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
8	VD2RM VD Bitertanol	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
9	VD2PN VD (a) Boscalid	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
10	VD2S5 VD Cadusafos	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
11	VD2QD VD (a) Carbendazim	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
12	VD2PY VD (a) Carbofuran	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
13	VD2PD VD (a) Clothianidin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
14	VD2QN VD Diquat	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
15	VD2Q4 VD (a) Ethoprophos	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
16	VD2RJ VD (a) Fenamiphos	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
17	VD2PA VD (a) Fenarimol	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
18	VD2QP VD (a) Fenbuconazole	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
19	VD2QG VD Fenbutatin oxid	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.05)
20	VD2RL VD (a) Fenpropimorph	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
21	VD2PC VD (a) Fipronil	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.002)
22	VD2SB VD (a) Fluopyram	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
23	VD2Q5 VD (a) Flusilazole	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
24	VD2QH VD (a) Flutriafol	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.05)
25	VD2TI VD Haloxyfop	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
26	VD2PF VD (a) Imazalil	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
27	VD2QR VD (a) Imidacloprid	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
28	VD2T9 VD Isopyrazam	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
29	VD2R5 VD (a) Propiconazol (Tổng các đồng phân)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
30	VD2QC VD (a) Pyraclostrobin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
31	VD2RI VD (a) Pyrimethanil	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
32	VD2P7 VD Saflufenacil	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
33	VD2PB VD (a) Tebuconazol	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
34	VD2U7 VD (a) Terbufos	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
35	VD2PJ VD (a) Thiabendazole	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
36	VD2SM VD (a) Thiamethoxam	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
37	VD2SZ VD (a) Triadimefon	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
38	VD2T0 VD (a) Triadimenol	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
39	VD2P8 VD (a) Trifloxystrobin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên



Nguyễn Thị Phượng Vĩ
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phượng Vĩ 23/12/2021

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
 Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
 Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
 Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Ky Hai Dang xây dựng.
 "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (d) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận Phòng Thử Nghiệm Thức Ăn Chăn Nuôi.
 (*Kết quả này thay cho kết quả số AR-21-VD-111253-01/743-2021-00105106, xuất ngày 16/12/2021; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)

ANALYTICAL REPORT

Sample code Nr.	743-2021-00105106	
Analytical Report Nr.	AR-21-VD-111253-02-EN / EUVNH-00155080	

Thanh Thanh Cong - Bien Hoa Joint Stock Company
Tan Hung commune, Tan Chau district
Tay Ninh province
VIETNAM

Sample described as:	Chuối già Nam Mỹ Smiley
Conditioning:	The sample is kept in plastic bag
Sample reception date:	19/11/2021
Analysis Time:	19/11/2021 - 26/11/2021
Client due date:	26/11/2021
Your purchase order reference:	J8SF211221283

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
1	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Not detected (LOD=10)
2	VD368 VD (a)(d) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Not Detected
3	VD861 VD (a) Lead (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.017)
4	VDG3L VD (a) Glyphosate	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5204	Not detected (LOD=0.003)
5	VD2U9 VD Chlorpyrifos	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
6	VD6X1 VD (a) Dithiocarbamates (as CS ₂)	mg/ kg	EN 12396-2:1998 (Ref TCVN 8169-2:2009)	Not detected (LOD=0.05)
7	VD2UM VD (a) Bifenthrin	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
8	VD2RM VD Bitertanol	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
9	VD2PN VD (a) Boscalid	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
10	VD2S5 VD Cadusafos	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
11	VD2QD VD (a) Carbendazim	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
12	VD2PY VD (a) Carbofuran	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
13	VD2PD VD (a) Clothianidin	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
14	VD2QN VD Diquat	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
15	VD2Q4 VD (a) Ethoprophos	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)

ANALYTICAL REPORT

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
16	VD2RJ VD (a) Fenamiphos	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
17	VD2PA VD (a) Fenarimol	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
18	VD2QP VD (a) Fenbuconazole (sum of constituent enantiomers)	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
19	VD2QG VD Fenbutatin oxide	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.05)
20	VD2RL VD (a) Fenpropimorph	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
21	VD2PC VD (a) Fipronil	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.002)
22	VD2SB VD (a) Fluopyram	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
23	VD2Q5 VD (a) Flusilazole	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
24	VD2QH VD (a) Flutriafol	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.05)
25	VD2TI VD Haloxyfop	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
26	VD2PF VD (a) Imazalil (any ratio of constituent isomers)	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
27	VD2QR VD (a) Imidacloprid	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
28	VD2T9 VD Isopirazam	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
29	VD2R5 VD (a) Propiconazole (sum of isomers)	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
30	VD2QC VD (a) Pyraclostrobin	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
31	VD2RI VD (a) Pyrimethanil	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
32	VD2P7 VD Saflufenacil	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
33	VD2PB VD (a) Tebuconazole	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
34	VD2U7 VD (a) Terbufos	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
35	VD2PJ VD (a) Thiabendazole	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
36	VD2SM VD (a) Thiamethoxam	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
37	VD2SZ VD (a) Triadimefon	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)

ANALYTICAL REPORT

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
38	VD2T0 VD (a) Triadimenol	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
39	VD2P8 VD (a) Trifloxystrobin	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)

LOD: Limit Of Detection

SIGNATURE



Nguyễn Thị Phượng Vĩ
Analytical Service Manager



Lý Hoàng Hải
General Director

Report electronically validated by Nguyễn Thị Phượng Vĩ 23/12/2021

EXPLANATORY NOTE

This document can only be reproduced in full; it only concerns the submitted sample.
Results have been obtained and reported in accordance with our general sales conditions available on request.
The tests are identified by a five-digit code, their description is available on request.
All test methods begin with characters EVN; A79; N79; EHC are internal methods developed by Eurofins Sac Ky Hai Dang.
"VD": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ho Chi Minh). The symbol (a) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. The symbol (d) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation Animal Feed Testings Lab Certificate.
(*this report cancels and replaces the previous one, numbered AR-21-VD-111253-01/743-2021-00105106 dated 16/12/2021 which must be destroyed)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2021-00105107	
Mã số kết quả :	AR-21-VD-109909-02-VI / EUVNHC-00155080	

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA
Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu
Tỉnh Tây Ninh
Việt Nam

Tên mẫu :	Chuối già Nam Mỹ Smiley
Tình trạng mẫu :	Mẫu đựng trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu :	19/11/2021
Thời gian thử nghiệm :	19/11/2021 - 22/11/2021
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	26/11/2021
Mã số PO của khách hàng :	J8SF211221283

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD368 VD (a)(d) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Không phát hiện

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên



Nguyễn Thị Phượng Vĩ
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phượng Vĩ 23/12/2021

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Ký Hải Đăng xây dựng. "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (d) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận Phòng Thử Nghiệm Thức Ăn Chăn Nuôi. (*Kết quả này thay cho kết quả số AR-21-VD-109909-01/743-2021-00105107, xuất ngày 16/12/2021; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)

ANALYTICAL REPORT

Sample code Nr.	743-2021-00105107	
Analytical Report Nr.	AR-21-VD-109909-02-EN / EUVNH-00155080	

Thanh Thanh Cong - Bien Hoa Joint Stock Company Tan Hung commune, Tan Chau district Tay Ninh province VIETNAM

Sample described as:	Chuối già Nam Mỹ Smiley
Conditioning:	The sample is kept in plastic bag
Sample reception date:	19/11/2021
Analysis Time:	19/11/2021 - 22/11/2021
Client due date:	26/11/2021
Your purchase order reference:	J8SF211221283

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
1	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Not detected (LOD=10)
2	VD368 VD (a)(d) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Not Detected

LOD: Limit Of Detection

SIGNATURE  Nguyễn Thị Phương Vi Analytical Service Manager	 Lý Hoàng Hải General Director
---	--

Report electronically validated by Nguyễn Thị Phương Vi 23/12/2021

EXPLANATORY NOTE This document can only be reproduced in full; it only concerns the submitted sample. Results have been obtained and reported in accordance with our general sales conditions available on request. The tests are identified by a five-digit code, their description is available on request. All test methods begin with characters EVN; A79; N79; EHC are internal methods developed by Eurofins Sac Ky Hai Dang. "VD": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ho Chi Minh). The symbol (a) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. The symbol (d) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation Animal Feed Testings Lab Certificate. (*this report cancels and replaces the previous one, numbered AR-21-VD-109909-01/743-2021-00105107 dated 16/12/2021 which must be destroyed)
--

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2021-00105108	
Mã số kết quả :	AR-21-VD-109910-02-VI / EUVNHC-00155080	

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA
Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu
Tỉnh Tây Ninh
Việt Nam

Tên mẫu :	Chuối già Nam Mỹ Smiley
Tình trạng mẫu :	Mẫu đựng trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu :	19/11/2021
Thời gian thử nghiệm :	19/11/2021 - 22/11/2021
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	26/11/2021
Mã số PO của khách hàng :	J8SF211221283

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD368 VD (a)(d) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Không phát hiện

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên



Nguyễn Thị Phượng Vĩ
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phượng Vĩ 23/12/2021

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng. "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (d) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận Phòng Thử Nghiệm Thức Ăn Chăn Nuôi. (*Kết quả này thay cho kết quả số AR-21-VD-109910-01/743-2021-00105108, xuất ngày 16/12/2021; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)

ANALYTICAL REPORT

Sample code Nr.	743-2021-00105108	
Analytical Report Nr.	AR-21-VD-109910-02-EN / EUVNH-00155080	

Thanh Thanh Cong - Bien Hoa Joint Stock Company
Tan Hung commune, Tan Chau district
Tay Ninh province
VIETNAM

Sample described as:	Chuối già Nam Mỹ Smiley
Conditioning:	The sample is kept in plastic bag
Sample reception date:	19/11/2021
Analysis Time:	19/11/2021 - 22/11/2021
Client due date:	26/11/2021
Your purchase order reference:	J8SF211221283

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
1	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Not detected (LOD=10)
2	VD368 VD (a)(d) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Not Detected

LOD: Limit Of Detection

SIGNATURE			
	Nguyễn Thị Phương Vy Analytical Service Manager		Lý Hoàng Hải General Director

Report electronically validated by Nguyễn Thị Phương Vy 23/12/2021

EXPLANATORY NOTE
This document can only be reproduced in full; it only concerns the submitted sample.
Results have been obtained and reported in accordance with our general sales conditions available on request.
The tests are identified by a five-digit code, their description is available on request.
All test methods begin with characters EVN; A79; N79; EHC are internal methods developed by Eurofins Sac Ky Hai Dang.
"VD": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ho Chi Minh). The symbol (a) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. The symbol (d) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation Animal Feed Testings Lab Certificate.
(*this report cancels and replaces the previous one, numbered AR-21-VD-109910-01/743-2021-00105108 dated 16/12/2021 which must be destroyed)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2021-00105109	
Mã số kết quả :	AR-21-VD-109911-02-VI / EUVNHC-00155080	

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA
Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu
Tỉnh Tây Ninh
Việt Nam

Tên mẫu :	Chuối già Nam Mỹ Smiley
Tình trạng mẫu :	Mẫu đựng trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu :	19/11/2021
Thời gian thử nghiệm :	19/11/2021 - 22/11/2021
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	26/11/2021
Mã số PO của khách hàng :	J8SF211221283

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD368 VD (a)(d) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Không phát hiện

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên



Nguyễn Thị Phượng Vĩ
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phượng Vĩ 23/12/2021

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng. "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (d) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận Phòng Thử Nghiệm Thức Ăn Chăn Nuôi. (*Kết quả này thay cho kết quả số AR-21-VD-109911-01/743-2021-00105109, xuất ngày 16/12/2021; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)

ANALYTICAL REPORT

Sample code Nr.	743-2021-00105109	
Analytical Report Nr.	AR-21-VD-109911-02-EN / EUVNH-00155080	

Thanh Thanh Cong - Bien Hoa Joint Stock Company Tan Hung commune, Tan Chau district Tay Ninh province VIETNAM

Sample described as:	Chuối già Nam Mỹ Smiley
Conditioning:	The sample is kept in plastic bag
Sample reception date:	19/11/2021
Analysis Time:	19/11/2021 - 22/11/2021
Client due date:	26/11/2021
Your purchase order reference:	J8SF211221283

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
1	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Not detected (LOD=10)
2	VD368 VD (a)(d) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Not Detected

LOD: Limit Of Detection

SIGNATURE  Nguyễn Thị Phương Vy Analytical Service Manager	 Lý Hoàng Hải General Director
---	--

Report electronically validated by Nguyễn Thị Phương Vy 23/12/2021

EXPLANATORY NOTE This document can only be reproduced in full; it only concerns the submitted sample. Results have been obtained and reported in accordance with our general sales conditions available on request. The tests are identified by a five-digit code, their description is available on request. All test methods begin with characters EVN; A79; N79; EHC are internal methods developed by Eurofins Sac Ky Hai Dang. "VD": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ho Chi Minh). The symbol (a) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. The symbol (d) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation Animal Feed Testings Lab Certificate. (*this report cancels and replaces the previous one, numbered AR-21-VD-109911-01/743-2021-00105109 dated 16/12/2021 which must be destroyed)
--

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2021-00105110	
Mã số kết quả :	AR-21-VD-109912-02-VI / EUVNHC-00155080	

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA
Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu
Tỉnh Tây Ninh
Việt Nam

Tên mẫu :	Chuối già Nam Mỹ Smiley
Tình trạng mẫu :	Mẫu đựng trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu :	19/11/2021
Thời gian thử nghiệm :	19/11/2021 - 22/11/2021
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	26/11/2021
Mã số PO của khách hàng :	J8SF211221283

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD368 VD (a)(d) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Không phát hiện

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên



Nguyễn Thị Phượng Vĩ
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phượng Vĩ 23/12/2021

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng. "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (d) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận Phòng Thử Nghiệm Thức Ăn Chăn Nuôi. (*Kết quả này thay cho kết quả số AR-21-VD-109912-01/743-2021-00105110, xuất ngày 16/12/2021; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)

ANALYTICAL REPORT

Sample code Nr.	743-2021-00105110	
Analytical Report Nr.	AR-21-VD-109912-02-EN / EUVNH-00155080	

Thanh Thanh Cong - Bien Hoa Joint Stock Company Tan Hung commune, Tan Chau district Tay Ninh province VIETNAM

Sample described as:	Chuối già Nam Mỹ Smiley
Conditioning:	The sample is kept in plastic bag
Sample reception date:	19/11/2021
Analysis Time:	19/11/2021 - 22/11/2021
Client due date:	26/11/2021
Your purchase order reference:	J8SF211221283

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
1	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Not detected (LOD=10)
2	VD368 VD (a)(d) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Not Detected

LOD: Limit Of Detection

SIGNATURE  Nguyễn Thị Phương Vy Analytical Service Manager	 Lý Hoàng Hải General Director
---	--

Report electronically validated by Nguyễn Thị Phương Vy 23/12/2021

EXPLANATORY NOTE This document can only be reproduced in full; it only concerns the submitted sample. Results have been obtained and reported in accordance with our general sales conditions available on request. The tests are identified by a five-digit code, their description is available on request. All test methods begin with characters EVN; A79; N79; EHC are internal methods developed by Eurofins Sac Ky Hai Dang. "VD": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ho Chi Minh). The symbol (a) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. The symbol (d) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation Animal Feed Testings Lab Certificate. (*this report cancels and replaces the previous one, numbered AR-21-VD-109912-01/743-2021-00105110 dated 16/12/2021 which must be destroyed)
--